

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số:08/2023/DS-ST
Ngày 22/5/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Hồng Duy.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn và ông Nguyễn Tiến Tịnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Thế Toàn - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:* Ông Phan Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2022/TLST-DS, ngày 06/12/2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10a/2023/QĐXX-DS ngày 14/04/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-DS, ngày 05/5/2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông, có mặt.

- Bị đơn: Ông T, vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà P, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn H trình bày :

Ngày 02/02/2019, ông T có thỏa thuận vay của bà H với số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận bà H đã giao đủ số tiền nêu trên cho ông T, đồng thời ông T đã ký xác nhận nợ vào giấy viết tay, thời hạn thanh toán 15 ngày tính từ ngày vay, lãi

suất trong hạn thì không thỏa thuận nhưng nếu sai hạn trả tiền thì phải chịu lãi suất 01%/ngày.

Tại buổi thỏa thuận vay tiền thì có tham gia của ông T, bà P, ông T là người trực tiếp thỏa thuận vay, nhận tiền và ký xác nhận nợ vào giấy viết tay.

Khi đến hạn thanh toán, ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán và đã bỏ đi khỏi địa phương. Ngày 22/11/2022, bà H đã làm đơn khởi kiện, trong đơn khởi kiện, bà H khởi kiện cả ông T và bà P, nhưng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà H chỉ khởi kiện ông T, không khởi kiện bà P. Bà H khởi kiện, yêu cầu ông T phải thanh toán số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tính lãi 10%/năm do chậm trả tiền vay.

Ngày 09/3/2023, bà H có đơn đề nghị Tòa án tỉnh Pnh thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã thụ lý đơn khởi kiện của bà H đối với ông T, bà P, thông báo các văn bản tố tụng đối với ông T, bà P (ấn định thời gian làm việc)

Nay bà H khởi kiện và yêu cầu ông T phải thanh toán số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả tiền vay là 10%/năm, kể từ ngày 18/02/2019 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Bị đơn ông T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà P: Qua xác minh tại chính quyền địa phương, ông T và bà P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, hiện không còn sinh sống tại địa phương.

Ngày 09/3/2023, bà H có đơn đề nghị thông báo, nhắn tìm ông T, bà P trên phương tiện thông tin đại chúng trung ương. Ngày 16/3/2023, ngày 24/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã tiến hành ký kết hợp đồng thông báo và tìm kiếm, ấn định thời gian làm việc để giải quyết vụ án trên Báo Công lý và Đài tiếng nói Việt Nam đối với ông T và bà P, nhưng vẫn vắng mặt.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án xác định những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật. Ông T và bà P vắng mặt tại địa phương, đã thông báo và tìm kiếm và ấn định thời gian làm việc cụ thể nhưng ông T và bà P vẫn vắng mặt. Như vậy, ông T và bà P đã tự tước quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T phải thanh toán số tiền 200.000.000 đồng, chịu lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày 18/02/2019 đến khi thanh toán xong nợ, chịu án phí dân sự.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà H, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà P có đăng ký hộ khẩu thường tại Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành xác minh ông T, bà P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, hiện tại ông T và bà P không còn sinh sống tại đại phương, Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành thông báo, tìm kiếm và ấn định thời gian làm việc giải quyết vụ án trên Báo Công lý và Đài tiếng nói Việt Nam đối với ông T và bà P, nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông T và bà P là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T và bà P vắng mặt, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như đưa ra quan điểm để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn bà H. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Như vậy, ông T và bà P phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được và không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Về nội dung: Bà H yêu cầu ông T trả nợ tiền gốc 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), theo giấy vay tiền ngày 02/02/2019 và yêu cầu trả lãi đối số tiền chậm trả là 10%/năm, giấy vay tiền có chữ ký của ông T và bà H. Như vậy, giao dịch vay tài sản, giấy vay tiền có ký xác nhận nợ giữa bà H với ông T, có thời hạn thanh toán, có chữ ký của ông T và bà H, đã thể hiện ý chí tự nguyện của các bên trong việc vay tài sản. Giao dịch dân sự vay tài sản (tiền) giữa ông T và bà H là có thật.

Trong giấy thể hiện thời hạn vay 15 ngày, kể từ ngày vay (ngày vay 02/02/2019), ông T có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc cho bà H, đến hạn thanh toán nợ nhưng ông T không thực hiện đúng cam kết. Khi đến hạn thanh toán nợ, ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà H là vi phạm thực hiện nghĩa vụ dân sự và nghĩa vụ trả tiền. Khoản 1 Điều 466 của Bộ Luật Dân sự quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn....*”.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, cần công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà H và ông T theo giấy vay tiền ngày 02/02/2019. Về cơ bản nội dung các bên thỏa thuận là

phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản nói riêng và hợp đồng dân sự nói chung. Điều 463 Bộ luật Dân sự quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*.

[5] Lãi trong hạn: Bà H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà H yêu cầu ông T phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 10%/năm, theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khoản 4 Điều 466 của Bộ Luật Dân sự năm 2015 quy định *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”*. Yêu cầu của bà H là có cơ sở nên hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận. Cụ thể như sau:

- Giấy vay tiền ngày 02/02/2019: Thời hạn trả tiền ngày 16/02/2019. Ngày chậm trả tiền là ngày 17/2/2019. Từ ngày 17/02/2019 đến ngày xét xử (ngày 22/5/2023) là 04 năm 03 tháng 05 ngày. Tiền lãi: $200.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times (04 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 05 \text{ ngày}) = 85.256.666 \text{ đồng}$.

[7] Từ những căn cứ, lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà H và buộc ông T có nghĩa vụ trả số tiền gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả tiền từ ngày 17/02/2019 đến ngày 22/5/2023 là 85.256.666 đồng (Tám mươi lăm triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) cho bà H là có cơ sở. Từ ngày 23/05/2023, ông T phải tiếp tục chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

[8] Trong quá trình giải quyết, bà H chỉ yêu cầu một mình ông T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền theo giấy vay tiền. Nên yêu cầu của bà H là có cơ sở.

[9] Chi phí tố tụng: Đối với chi phí nhả tin trên phương tiện thông tin đại chúng, nguyên đơn bà H xin chịu toàn bộ chi phí. Nên không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí dân sự: Yêu cầu của H được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau: $285.256.666 \text{ đồng} \times 5\% = 14.262.833 \text{ đồng}$. Hoàn trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí cho bà H, theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số 0003216, ngày 01/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

[11] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92, Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 278, Điều 280, Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, của Hội đồng thẩm phán tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà H.

2. Buộc ông T phải trả cho bà H số tiền gốc 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và trả lãi đối với số tiền chậm trả tính đến ngày xét xử (ngày 22/5/2023) là 85.256.666 đồng (Tám mươi lăm triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Tổng số tiền 285.256.666 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Từ ngày 23/5/2023, ông T tiếp tục chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 14.262.833 đồng (Mười bốn triệu hai trăm sáu hai ngàn tám trăm ba mươi ba đồng). Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho bà H, theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số 0007015, ngày 15/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Lại Hồng Duy